

## BẢN THUYẾT MINH NỘI DUNG

**Dự thảo Nghị quyết Quy định chức danh, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
1	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b></p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ, mức hỗ trợ kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Ủy ban nhân dân các cấp <b>và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã</b>; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.</p>	<p>Nghị quyết quy định chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ, mức hỗ trợ kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh.</p>
2	<p><b>Điều 2. Chức danh, mức phụ cấp và <b>bố trí</b> đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã</b></p> <p>1. Chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã</p>	<p>- Trên cơ sở đề xuất của các địa phương, đơn vị và kế thừa các chức danh quy định tại Nghị quyết số 55/2021/NQ-HĐND, dự thảo Nghị quyết <b>gồm 15 chức danh:</b></p> <p>1) Văn phòng Đảng ủy;</p>

<p>Người hoạt động không chuyên trách cấp xã bao gồm các chức danh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Văn phòng Đảng ủy;</li> <li>b) Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự;</li> <li>c) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;</li> <li>d) Tổ chức - Kiểm tra;</li> <li>đ) Tuyên giáo - Dân vận;</li> <li>e) Kinh tế - Tổng hợp;</li> <li>g) Văn hóa - Xã hội;</li> <li>h) Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ;</li> <li>i) Nhân viên Thú y;</li> <li>k) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;</li> <li>l) Phó Chủ tịch Hội Nông dân;</li> <li>m) Phó Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;</li> <li>n) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;</li> <li>o) Chủ tịch Hội người cao tuổi;</li> <li>p) Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.</li> </ul> <p>2. Bố trí chức danh</p> <p>a) Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chức danh quy định tại khoản 1 Điều này, bố trí người hoạt động không chuyên trách cấp xã phù hợp với tình hình thực tế của địa</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>2) Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự;</li> <li>3) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;</li> <li>4) Tổ chức - Kiểm tra;</li> <li>5) Tuyên giáo - Dân vận;</li> <li>6) Kinh tế - Tổng hợp;</li> <li>7) Văn hóa - Xã hội;</li> <li>8) Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ;</li> <li>9) Nhân viên Thú y;</li> <li>10) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;</li> <li>11) Phó Chủ tịch Hội Nông dân;</li> <li>12) Phó Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;</li> <li>13) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;</li> <li>14) Chủ tịch Hội người cao tuổi;</li> <li>15) Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.</li> </ul> <p>Tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định: “<b>1. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tính theo loại đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau: Loại I là 14 người; loại II là 12 người; loại III là 10 người</b>”; “<b>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ số lượng đơn vị hành chính cấp xã có quy mô dân số,</b></p>
---	--

phương. Trường hợp số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã được giao nhiều hơn số lượng chức danh quy định tại khoản 1 Điều này thì bố trí tăng thêm số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo từng chức danh phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ nhưng không vượt quá tổng số người hoạt động không chuyên trách cấp xã được giao. Trường hợp số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã được giao ít hơn số chức danh quy định tại khoản 1 Điều này thì căn cứ vào nhu cầu thực tế của địa phương bố trí chức danh cho phù hợp với số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã được giao nhằm đảm bảo các vị trí công tác đều có người đảm nhiệm để thực hiện nhiệm vụ, phù hợp với thực tiễn quản lý ở địa phương.

b) Đơn vị hành chính cấp xã loại 1, xã biên giới được bố trí 02 người hoạt động không chuyên trách đảm nhiệm chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự nhưng đảm bảo không vượt quá số lượng người hoạt động không chuyên trách được giao hằng năm tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### 3. Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã

Người hoạt động không chuyên trách cấp xã được hưởng mức phụ cấp hằng tháng bằng 1,5 mức lương cơ sở/người/tháng (bao gồm cả bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế).

*diện tích tự nhiên lớn hơn so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính để tính số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm như sau: a) Phường thuộc quận cứ tăng thêm đủ 1/3 (một phần ba) mức quy định về quy mô dân số thì được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách. Các đơn vị hành chính cấp xã còn lại cứ tăng thêm đủ 1/2 (một phần hai) mức quy định về quy mô dân số thì được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách; b) Ngoài việc tăng thêm người hoạt động không chuyên trách theo quy mô dân số quy định tại điểm a khoản này thì đơn vị hành chính cấp xã cứ tăng thêm đủ 100% mức quy định về diện tích tự nhiên được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách”.*

Do đó, để đảm bảo phù hợp với số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo phân loại đơn vị hành chính và số lượng người tăng thêm theo quy mô dân số, diện tích tự nhiên ở từng địa phương tại khoản 1, 2 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP nêu trên, dự thảo Nghị quyết quy định giao UBND huyện bố trí người hoạt động không chuyên trách cấp xã phù hợp tình hình thực tế của địa phương theo hướng: Trường hợp số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã được giao nhiều hơn số lượng chức danh theo quy

định thì bố trí tăng thêm số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo từng chức danh phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ nhưng không vượt quá tổng số người hoạt động không chuyên trách cấp xã được giao. Trường hợp số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã được giao ít hơn số chức danh quy định tại khoản 1 Điều này thì căn cứ vào nhu cầu thực tế của địa phương bố trí chức danh cho phù hợp với số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã được giao nhằm đảm bảo các vị trí công tác đều có người đảm nhiệm để thực hiện nhiệm vụ, phù hợp với thực tiễn quản lý ở địa phương.

- Đối với đơn vị hành chính cấp xã loại 1, xã biên giới được bố trí 02 người hoạt động không chuyên trách đảm nhiệm chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự quy định tại Điều 4, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ:

*“Điều 4. Số lượng Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức*

*1. Số lượng Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã như sau:*

*a) Đơn vị hành chính cấp xã loại 1, xã biên giới,*

		<p><i>ven biển, đảo được bố trí không quá 02 Phó chỉ huy trưởng. Căn cứ tình hình thực tế”.</i></p> <p>- Theo quy định đơn vị hành chính cấp xã loại I được khoán quỹ phụ cấp bằng 21,0 lần mức lương cơ sở; Đơn vị hành chính cấp xã loại II được khoán quỹ phụ cấp bằng 18,0 lần mức lương cơ sở; Đơn vị hành chính cấp xã loại III được khoán quỹ phụ cấp bằng 15,0 lần mức lương cơ sở.</p> <p>Để đảm bảo tránh trường hợp kiến nghị UBND tỉnh đề xuất chia trung bình theo số lượng người hoạt động không chuyên trách được giao thì mỗi chức danh được hưởng mức phụ cấp 1.5 mức lương cơ sở/người/tháng (bao gồm cả bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế). Đối với biên chế tăng thêm: Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP thì nếu tăng biên chế thêm 127 người thì tổng mức khoán phụ cấp được tăng thêm là 190,5 lần mức lương cơ sở (tương ứng 1.5 mức lương cơ sở/01 hoạt động không chuyên trách tăng thêm).</p>
<p><b>3</b></p>	<p><b>Điều 3. Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và mức hỗ trợ người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố</b></p> <p>1. Mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (<i>Bí thư chi bộ; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công</i></p>	<p>- Tại khoản 6 Điều 33 Nghị định 33/2023/NĐ-CP quy định: “Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có không quá 03 chức danh (bao gồm Bí thư chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận) được hưởng phụ cấp hàng tháng. Trường hợp Luật có quy định khác thì thực hiện theo quy định của luật đó”</p>

tác Mặt trận):

a) Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới; thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã mức phụ cấp là 1,7 mức lương cơ sở/mỗi chức danh.

b) Đối với các thôn, tổ dân phố còn lại mức phụ cấp là 1,2 mức lương cơ sở/mỗi chức danh.

2. Người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố gồm: Phó Bí thư Chi bộ; Phó Trưởng thôn; Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh; Chi hội trưởng Hội Phụ nữ; Chi hội trưởng Hội Nông dân; Bí thư Chi đoàn Thanh niên; Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi; Chi hội trưởng Chi hội chữ thập đỏ; Thôn đội trưởng; Nhân viên y tế thôn; Công an viên; Bảo vệ ở tổ dân phố thuộc phường, thị trấn (Tổ trưởng; Tổ phó; Tổ viên).

3. Mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố

a) Mức hỗ trợ hằng tháng đối với Công an viên, Thôn đội trưởng bằng 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Mức hỗ trợ đối với Nhân viên y tế thôn tại các thôn đặc biệt khó khăn bằng 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng; mức hỗ trợ đối với Nhân viên y tế thôn còn lại bằng 0,3 mức

Theo đó chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, TDP gồm 3 chức danh:

1. Bí thư chi bộ
2. Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố.
3. Trưởng Ban công tác Mặt trận

**b) Đối với trực tiếp tham gia công việc ở thôn, TDP**

Qua rà soát các Văn bản quy định hiện hành người trực tiếp tham gia công việc của thôn gồm:

- Phó Bí thư Chi bộ;
- Phó Trưởng thôn.
- Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh;
- Chi hội trưởng Hội Phụ nữ;
- Chi hội trưởng Hội Nông dân;
- Bí thư Chi đoàn Thanh niên;
- Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi.
- Chi hội trưởng Chi hội chữ thập đỏ.
- Thôn đội trưởng.
- Nhân viên y tế thôn.
- Công an viên.
- Bảo vệ ở tổ dân phố thuộc phường, thị trấn (Tổ trưởng; Tổ phó; Tổ viên).

<p>lương cơ sở/người/tháng. Không áp dụng đối với cô đỡ thôn, bản làm công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em.</p> <p>c) Mức hỗ trợ hằng tháng đối với Bảo vệ ở tổ dân phố thuộc phường, thị trấn: Tổ trưởng 0,4 mức lương cơ sở/người/tháng. Tổ phó 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng. Tổ viên 0,2 mức lương cơ sở/người/tháng.</p> <p>d) Mức hỗ trợ hằng tháng đối với Phó Bí thư Chi bộ; Phó Trưởng thôn; Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh; Chi hội trưởng Hội Phụ nữ; Chi hội trưởng Hội Nông dân; Bí thư Chi đoàn Thanh niên; Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi; Chi hội trưởng Chi hội chữ thập đỏ bằng 200.000 đồng/người/tháng.</p>	<p><i>*Cơ sở pháp lý để đề xuất các chức danh</i></p> <p>- Đối với các chức danh Phó Bí thư Chi bộ, Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ, Chi hội trưởng Chi hội Nông dân, Bí thư Chi đoàn, Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi, Chi hội trưởng Chi hội chữ thập đỏ: Căn cứ vào quy định tại Điều lệ của các tổ chức<sup>(1)</sup>.</p> <p>- Đối với chức danh Phó Trưởng thôn: Căn cứ Căn cứ Thông tư số <u>04/2012/TT-BNV</u> ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số <u>14/2018/TT-BNV</u> ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số <u>04/2012/TT-BNV</u> ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Đối với chức danh Thôn đội trưởng: Căn cứ vào Luật Dân quân tự vệ ngày 22/11/2019 và Nghị</p>
---	--

<sup>(1)</sup> Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đối với chức danh Phó Bí thư Chi bộ; Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam đối với chức danh Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh; Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đối với chức danh Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ; Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam đối với chức danh Chi hội trưởng Chi hội Nông Dân; Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đối với chức danh Bí thư Chi đoàn; Điều lệ Hội Người cao tuổi Việt Nam đối với chức danh Chi hội trưởng Chi Hội Người cao tuổi; Điều lệ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đối với chức danh Chi hội trưởng Chi hội chữ thập đỏ.

định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số Điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ.

- Đối với chức danh Nhân viên Y tế thôn: Căn cứ vào quy định tại Thông tư số 07/2013/TT-BYT ngày 08/3/2013 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ của nhân viên y tế thôn bản. Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản.

- Đối với chức danh Công an viên: Pháp lệnh công an xã 2008; Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh công an xã. Căn cứ vào quy định tại Điều 12, Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy. Tuy nhiên hiện nay Quốc hội đang xem xét thông qua dự thảo Luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Đối với chức danh Bảo vệ dân phố (Tổ trưởng tổ dân phố, tổ phó và tổ viên tổ dân phố): Tại Điều 7 Nghị định 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố quy định về Tổ chức của Bảo vệ dân phố: “ *Mỗi cụm dân cư được thành lập một tổ Bảo vệ dân phố. Tổ trưởng và các tổ viên tổ Bảo vệ dân phố do đại diện các hộ gia đình trong*



*cụm dân cư bầu ra. Tùy vào tình hình đặc điểm và số lượng dân cư trên địa bàn, mỗi tổ Bảo vệ dân phố có từ 3 đến 7 tổ viên”.*

**\* Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, TDP**

**- Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã**

- Theo quy định đơn vị hành chính cấp xã loại I được khoán quỹ phụ cấp bằng 21,0 lần mức lương cơ sở; Đơn vị hành chính cấp xã loại II được khoán quỹ phụ cấp bằng 18,0 lần mức lương cơ sở; Đơn vị hành chính cấp xã loại III được khoán quỹ phụ cấp bằng 15,0 lần mức lương cơ sở.

Để đảm bảo tránh trường hợp kiến nghị, đồng thời đảm bảo phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định 33/2023/NĐ-CP, đối với đơn vị hành chính cấp xã có số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm thì tổng mức khoán quỹ phụ cấp được tính tăng thêm tương ứng bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/01 người hoạt động không chuyên trách tăng thêm. Do đó giao mức phụ cấp 1.5 mức lương cơ sở/người/tháng (bao gồm cả bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế) là phù hợp.

**- Mức phụ cấp đối với người hoạt động**

***không chuyên trách ở thôn, TDP***

Căn cứ khoản 2 khoản 3 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định:

*2. Thực hiện khoản quỹ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố. Ngân sách Trung ương khoản quỹ phụ cấp để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, tổ dân phố như sau:*

*a) Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, hải đảo được khoản quỹ phụ cấp bằng 6,0 lần mức lương cơ sở. Trường hợp thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã thì được giữ mức khoản quỹ phụ cấp bằng 6,0 lần mức lương cơ sở;*

*b) Đối với các thôn, tổ dân phố không thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được khoản quỹ phụ cấp bằng 4,5 lần mức lương cơ sở;*

*c) Trường hợp đơn vị hành chính cấp huyện không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã thì thôn, tổ dân phố quy định tại điểm a và điểm b khoản này được xác định theo đơn vị hành chính cấp huyện đó.*

3. Căn cứ vào quỹ phụ cấp được ngân sách Trung ương khoán cho mỗi cấp xã, mỗi thôn, tổ dân phố quy định tại các khoản 1, 2 Điều này; nguồn kinh phí ngân sách chi cho cải cách chính sách tiền lương của địa phương; các quy định của pháp luật có liên quan và đặc thù của từng cấp xã, từng thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể những nội dung sau:

- Căn cứ Văn bản số 6044/BNV-CQĐP ngày 16/10/2023 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về mức khoán phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc của thôn:

“Khoản 3 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố đã giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố từ nguồn khoán quỹ phụ cấp ngân sách Trung ương và kinh phí chi cho cải cách chính sách tiền lương của địa phương. Theo đó, việc quyết định mức phụ cấp đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở

thôn, tổ dân phố và mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.”

Trên cơ sở các quy định trên và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới; thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã mức phụ cấp là 1,7 mức lương cơ sở/mỗi chức danh. Đối với các thôn, tổ dân phố còn lại mức phụ cấp là 1,2 mức lương cơ sở/mỗi chức danh.

***- Mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, TDP***

**(1) Đối với chức danh Thôn đội trưởng:**

- Tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 72/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của luật dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ quy định: “2. Đối với Thôn đội trưởng: Mức hưởng phụ cấp hàng tháng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nhưng không thấp

hơn 745.000 đồng.”

Nghị quyết số 55/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định mức phụ cấp đối với chức danh này là 0.5. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất tiếp tục giữ mức phụ cấp là 0.5.

### **(2) Nhân viên y tế thôn**

- Mức phụ cấp hàng tháng với nhân viên y tế thôn, bản theo Điều 2 Quyết định 75/2009/QĐ-TTg như sau:

*“2. Mức phụ cấp hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, bản bằng 0,5 và 0,3 so với mức lương tối thiểu chung được quy định như sau:*

*a) Mức 0,5 áp dụng đối với nhân viên y tế thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.*

*b) Mức 0,3 áp dụng đối với nhân viên y tế thôn, bản tại các xã còn lại.”*

### **(3) Công an viên:**

- Căn cứ Điều 7 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh công an xã quy định:

*“Điều 7. Chế độ, chính sách đối với Trưởng*

*Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên*

*1. Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên được hưởng chế độ lương, phụ cấp theo quy định của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn”.*

*- Điều 12, Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy quy định:*

***“Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp***

*1. Đối với xã, thị trấn đã tổ chức Công an chính quy, những trường hợp Công an xã bán chuyên trách được Ủy ban nhân dân các cấp đồng ý tiếp tục sử dụng tham gia bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Pháp lệnh Công an xã cho đến khi có văn bản quy phạm pháp luật khác.*

*2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định về số lượng, mức phụ cấp đối với Công an xã bán chuyên trách khi tiếp tục được sử dụng tham gia bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở từ ngân sách nhà nước; quyết định chi hỗ trợ thôi việc đối với Công an xã bán chuyên trách kết thúc nhiệm vụ mà không bố trí sắp xếp được công tác khác hoặc không tiếp tục tham gia bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở theo các quy định hiện*

		<p><i>hành, phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương; trong trường hợp địa phương không bố trí được nguồn ngân sách thì trung ương sẽ bổ sung kinh phí cho địa phương thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước”.</i></p> <p>Nghị định số 73/2009/NĐ-CP và Nghị định số 42/2021/NĐ-CP không quy định cụ thể mức phụ cấp đối với Công an viên căn cứ vào tính chất công việc và nguồn ngân sách của tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất bằng 0.5 mức lương cơ sở.</p> <p><b>(4) Đối với những người trực tiếp tham gia công việc của thôn, ngoài 03 chức danh nêu trên:</b></p> <p>- Căn cứ nguồn ngân sách của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất mức hỗ trợ 200.000 đồng/người/ tháng.</p>
4	<p><b>Điều 4. Việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp, mức hỗ trợ kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố</b></p> <p>1. Quy định về mức phụ cấp, mức hỗ trợ kiêm nhiệm</p> <p>a) Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố mà giảm được 01 (một) người trong số lượng được giao thì được hưởng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm</p>	<p>Tại khoản 4 Điều 34 Nghị định 33/2023/NĐ-CP quy định: “4. Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm”.</p> <p>Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất trường hợp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người</p>

<p>nhiệm.</p> <p>b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố mà giảm được 01 (một) người trong số lượng được giao thì được hưởng 100% mức phụ cấp, mức hỗ trợ quy định của chức danh kiêm nhiệm.</p> <p>c) Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố mà giảm được 01 (một) người trong số lượng được giao được hưởng 100% mức hỗ trợ quy định của chức danh kiêm nhiệm.</p> <p>2. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp, mức hỗ trợ của chức danh cao nhất. Phụ cấp kiêm nhiệm. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.</p>	<p>hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được hưởng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố mà giảm được 01 (một) người trong số lượng được giao thì được hưởng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm.</li><li>- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố mà giảm được 01 (một) người trong số lượng được giao thì được hưởng 100% mức phụ cấp, mức hỗ trợ quy định của chức danh kiêm nhiệm.</li><li>- Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố mà giảm được 01 (một) người trong số lượng được giao được hưởng 100% mức hỗ trợ quy định của chức danh kiêm nhiệm.</li></ul> <p>Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp, mức hỗ trợ của chức danh cao nhất. Phụ cấp kiêm nhiệm không dùng để đóng,</p>
---	--



		hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.
<b>5</b>	<p><b>Điều 5. Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã</b></p> <p>Mức khoán kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh) là 1.500.000 đồng/xã, phường, thị trấn/năm (ngoài ngân sách phân bổ theo quy định hàng năm).</p>	<p>Theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND mức khoán kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội cấp xã là: 1.500.000 đồng. Căn cứ nguồn ngân sách của tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất giữ nguyên mức hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh) là 1.500.000 đồng/xã, phường, thị trấn/năm.</p>
<b>6</b>	<p><b>Điều 6. Tổ chức thực hiện</b></p> <p>1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.</p> <p>2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.</p>	
	<p><b>Điều 7. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khoá XII, nhiệm kỳ 2021 -2026, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày .... tháng .. năm 2023 và có hiệu lực từ ngày</p>	

... tháng năm 2023.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau: Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Nghị quyết số 55/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum./.